

HOA NÔNG NỈ CHỒ

Bổa an :An Chính
Nổ tuoi :Mau giao
Tong số tre :298

Sang : Chao thòt tom tồi rau đen
Sổa grow
Trổa : Côm ca ba sa ap chao sot chanh day.
Canh bí nỏ tom kho thòt heo nác ngo gai
Mon luoc: su su, ca rot
Xe: Nổc cam
Xe chieu: Sup thòt ca rot nam tuyet trổng ga
trổng cut ngo rí

So Tien Tren Moi Tre 36989				
STT	Ten thóc phẩm	Khối lượng(g)	Nôn gia(ñ/100g)	Thanh tiền(ñ)
	*CHỒ			
1	Rạm (mười)	2,000	1,060	21,200
2	Tom bien	4,700	36,020	1,692,940
3	Tom khoi	200	78,100	156,200
4	Ca ba sa	10,000	13,530	1,353,000
5	Tồong ca*	3,000	1,870	56,100
6	Me ñen*	150	24,090	36,135
7	Nổc mam Ca (loại 1)	3,000	6,160	184,800
8	Dầu thảo mộc	6,000	6,280	376,800
9	Nổng cat	7,000	3,880	271,600
10	Dầu me	1,000	3,870	38,700
11	Xì dầu	1,000	990	9,900
12	Bột nôi	1,000	7,370	73,700
13	Gạo tẻ máy	22,000	2,630	578,600
14	Bột mì tinh	2,000	3,740	74,800
15	Hạnh lả	1,500	5,460	81,900
16	Hạnh cụ tồi	1,000	6,300	63,000
17	Ca rot	6,000	5,780	346,800
18	Bí ngo (Bí ño)	9,000	4,200	378,000
19	Rau mùi tau (ngo gai)	100	6,510	6,510
20	Su su	4,000	3,470	138,800
21	Nam tuyet*	200	42,900	85,800
22	Rau ngo (Rau mùi)	100	8,930	8,930
23	Rau xà lách	1,000	4,620	46,200
24	Rau đen	3,000	3,780	113,400
25	Thòt lỏn nác	7,500	18,480	1,386,000
26	Chanh day*	3,500	5,780	202,300
27	Cam	25,000	4,620	1,155,000
28	Trổng ga toan phan	3,000	4,400	132,000
29	Trổng cut	3,200	13,000	416,000
Cong				9,485,115
	*XUAT KHO			
30	Sổa bot Abbot Grow	7,500	20,500	1,537,500
Cong				1,537,500
Tong tien thóc phẩm				11,022,615 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tien nổc chi trong ngay				11026000(ñ)
Số đồ ñau ngay				0(ñ)
Số đồ cuoi ngay				3385(ñ)
Xuat an luy ke tồ ñau thang				
Tieu chuan luy ke tồ ñau thang				
Tien chi luy ke tồ ñau thang				